

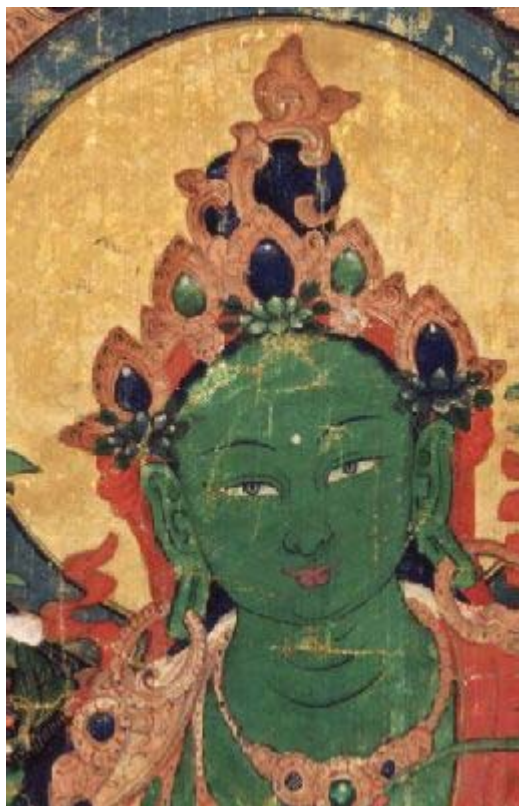
Regular Practice of GreenTara Called the Source of All Activities

Phương Pháp Hành Trì Lục-Quan-Âm *Suối Nguồn Của Vạn Pháp*

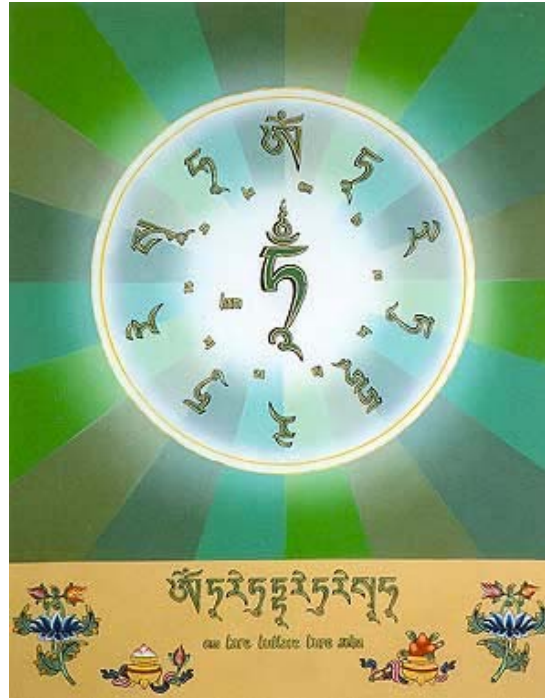
Do Đại sư Khenchen Konchog Gyaltsen biên soạn, và cùng với Michael G. Essex
chuyển từ Tạng-ngữ sang Anh-ngữ tại thiền viện Ratna Shri, Ấn Độ (1993)

Tâm-Bảo-Đàn chuyển từ Anh-ngữ sang Việt-ngữ lời giới thiệu, phần 2, 4 và phần phụ lục (2004)
Chơn-Pháp Nguyễn Hữu Hiệu chuyển Việt-ngữ phần 3 & 5 (2002)
Drikung Mahayana Center - Hoa Kỳ

Việt_Vajra Foundation trình bày và ấn tống bản hiệu đính (2006)
Xin liên lạc vietvajra@yahoo.com để nhận bản gốc điện tử.



Bức tranh 'thangka' họa khuôn mặt tịnh thủy của đức Lục-Quan-Âm Tara
được trần thiết vào khoảng thế kỷ thứ 18 (1700-1799) tại Tây-Tạng.
(thuộc Collection of Shelley & Donald Rubin Foundation <http://www.tibetart.org/image.cfm/14.html>)



Ở giữa tâm điểm là chủng tự **TAM**.

Xoay quanh chủng tự **TAM** là chuỗi minh chú

OM TA-RE TUT-TA-RE TU-RE SVA-HA.

Chữ Om nằm ngay phía trên chữ Tam.

Kế đến là chữ Ta, Rê, Tu, Ta, Rê, Tu, Rê, Xoa và Ha .. tất cả xoay theo chiều kim đồng hồ.

Khi quán chữ TAM trên đài sen ở luân xa tim, chữ TAM luôn luôn đứng thẳng và đứng yên,

không xoay chuyển, phóng toả ánh sáng ra khắp mười phương.

Trong khi đó, chuỗi minh chú đang xoay rất nhanh chung quanh cũng phóng toả ra ánh sáng rạng ngời khắp các cõi. ¹

¹ Chú thích phần quán tưởng của Tâm-Bảo-Đàn. Hoạ đồ các chủng tự của Andy Weber http://www.andyweberstudios.com/mt_green_tara.html

1. Lời Giới Thiệu

Đức Quán-Thế-Âm Bồ-tát (Sanskrit: Avalokiteshvara; Tạng ngữ: Chenrezig)² chính là hiện thân của lòng từ bi vô lượng của đức Phật A-Di-Đà (Sanskrit: Amitabha), và đức mẹ Quan-Âm Bồ-tát (Sanskrit: Tara)³ chính là hiện thân của trí tuệ vô lượng của đức Quán-Thế-Âm. Đức Quán-Thế-Âm (Avalokiteshvara/Chenrezig) đã vun trồng một trí dũng không gì ngăn ngại được, cốt đem lại lợi lạc cho tất cả chúng sinh cho đến tận ngày cõi ta-bà (Sanskrit: samsara) tuyệt dứt. Từ vô thủy vô chung, ngài đã độ cho hàng hà sa số chúng sinh đạt đến Niết-bàn. Tuy thế, số chúng sinh trôi dạt trong biển trầm luân vẫn không thuyên giảm. Một ngày kia, ngài kiệt sức và nhỏ lệ khóc. Những giọt nước mắt của ngài đã dâng trào từ niềm thống cảm thương xót chúng sinh phải hứng chịu xiết bao đau khổ.

Hai đức Quan-Âm (Tara) và Bhrikuti đã đản sanh ra từ chính hai giọt lệ của đức Quán-Thế-Âm Avalokiteshvara!

Đức Phật Tỳ-Lô-Giá-Na (Sanskrit: Vairochana) đã từng soạn ra ‘*Hai Mươi Mốt Đoàn Kệ Tán Dương Quan-Âm*,’⁴ và đã truyền dạy rất nhiều bộ pháp Mật-điển (Tantric) về Tara Quan-Âm. Đức Phật-mẫu Quan-Âm (Tara) đã hoá hiện dưới vô vàn hình tướng, với rất nhiều khuôn mặt và cánh tay khác nhau⁵. Acharya Ashvagosh đã từng nói, ‘*ứng thân của Quan-Âm đã nhập thể bằng nhiều cách, dưới nhiều hình dạng, khi thì là một vị Bà-la-môn (Sanskrit: Brahma), thần Vishnu, thần Shiva, mang hình dạng hung nộ lẫn hình dạng an bình, rồi khi thì là Uma Deva, khi là Mamaki, Tara, Pantari, đức Phật Lotsani, và còn nhiều nhiều nữa. Mọi nhập thể hoá hiện của ngài đều tùy thuộc vào căn cơ của chúng sinh. Ngài là chỗ dựa cho ứng thân của tất cả các vị nữ Pháp-chủ tâm linh. Tại xứ Ấn, ngài đã nhập thể làm hoàng hậu Mayadevi, là mẹ của đức Phật Thích-ca-mâu-ni, hoặc nhập thể làm Gelongma Palmo và công-nương Mandarawa. Tại xứ Tây-Tạng, ngài nhập thể làm*

² **Avalokiteshvara** (Phạn-ngữ) hay **Chenrezig** (Tạng-ngữ) chính là Thiên Thủ Thiên Nhân Quán Thế Âm Bồ-tát, hay Quán Tự Tại Bồ-tát, hay Quan Âm Đại Sĩ, thông thường được mô tả hoặc thị hiện dưới dạng ‘nam’ như trong chú Đại Bi hay trong Bát Nhã Tâm Kinh, v.v...

³ **Tara** (Sanskrit) thường được mô tả hoặc thị hiện dưới dạng ‘nữ’, chính là Mẹ hiền Quan Âm, hay Nam Hải Quan Âm, hay Quan Âm Thị Kính. Người Việt xưa nay khi nghĩ tưởng đến Quan Âm thường hình dung ra một vị Bồ-tát hay vị Phật trong dạng ‘nữ’, mặc y trắng, một tay cầm nhánh liễu, một tay cầm bình nước am lồ. Đôi khi, đối với người Việt còn có sự lẫn lộn giữa Quán Thế Âm (dạng ‘nam’) với Quan Âm (dạng ‘nữ’) nhưng tựu chung, cả hai đều là hiện thân của lòng từ bi của đức Phật A-Di-Đà và xuất phát từ tên gốc tiếng Phạn Avalokiteshvara.

⁴ Xem Phụ Lục ‘*Hai Mươi Mốt Đoàn Kệ Tán Dương Quan Âm*’ do TBD chuyển ngữ.

⁵ Theo kinh điển, đức Quan-Âm (Tara) đã nhập thể hoá hiện dưới 21 hình dạng khác nhau, tượng trưng cho 21 đức tính khác nhau, cốt để độ cho tất cả chúng sinh tùy vào căn cơ của họ. Theo Mật-tông, có ba pháp môn thiền quán chính yếu liên hệ tới đức Quan Âm là Lục-Y Quan Âm (Green Tara), Bạch-Y Quan Âm (White Tara) và Hồng-Y Quan Âm (Red Tara), mỗi màu sắc tượng trưng cho những đức tính khác nhau của đức Quan Âm.

thiên-nữ (Tạng ngữ: dakini) Yeshe Tsogyal, Machig Lobdron, Achi Chokyi Drolma, cũng như đã từng nhập thể trở thành rất nhiều ni sư trụ trì của tu viện Drikung Terdon. Chỉ cần lắng nghe tên gọi của ngài với tâm chí thành là ta cũng sẽ thoát khỏi tám (8) hoặc mười sáu (16) hiểm nguy, sợ hãi⁶ trong đời. Hành trì theo phương pháp Quan-Âm Tara và nhất tâm tụng đọc minh chú Quan-Âm sẽ giúp tiêu trừ được hết thầy chướng ngại. Ta sẽ được đản sanh nơi Tây Phương Cực Lạc (Tạng ngữ: Dewachen) là cảnh giới trang nghiêm tịnh độ của đức Phật A-Di-Đà.’



2. Phương Pháp Thiền Quán & Trì Chú Quan-Âm Tara (Lục-Quan-Âm)

Khai kinh:

OM SWASTI

Hiện thân của tất cả các pháp-sự của chư Phật Chánh Đẳng Chánh Giác, người mẹ hiền tuyệt vời của chư Phật trong ba đời, niềm hy vọng tối cao của chúng sinh trong thời mạt pháp.

Con xin nương tựa nơi đức Quan-Âm tôn quý. Xin cho con đạt được những thành tựu thế gian và xuất thế gian.

[Ở nơi thanh tịnh thuận cho việc tu tập, trước linh ảnh hoặc tôn tượng của đức Quan-Âm, hãy trang nghiêm hành lễ cúng dường. Ngồi trong một tư thế thoải mái với tâm buông xả. Duy trì tâm nơi ‘bốn pháp chuyển tâm’⁷ căn bản, quy y nơi Phật Pháp Tăng và phát khởi tâm Bồ-đề. Sau đó, bắt đầu thực tập pháp quán tưởng tam thân của vị Pháp-trì tâm linh Quan-Âm (deity yoga)].

Cho đến khi con đạt được Chánh Đẳng Chánh Giác, con và tất cả xin nương tựa nơi chư vị thánh tăng, hiện thân của Tam-Bảo. Con xin phát khởi hai Bồ-Đề-tâm⁸, nguyện che chở hộ trì cho tất cả chúng sinh thoát khỏi mọi sợ hãi trong cõi luân hồi (lập lại lời nguyện 3 lần).

⁶ **Tám hiểm nguy, sợ hãi** đó là: sư tử (kiêu mạn), voi dại (ào tưởng), lửa cháy (sân hận), rắn rít (ganh tị), kẻ trộm (tà kiến), cùm sắt (tham lam), lụt lội (tham đắm), quỷ sứ (hoài nghi). Hiểm nguy ở đây không chỉ là sự nguy hiểm tầm thường như khi ta gặp rắn độc thì sợ rắn độc cắn chết, nhưng còn mang ý nghĩa hiểm nguy vì đây là gốc rễ của phiền não, trói buộc ta vào vòng luân hồi vô tận.

⁷ **Bốn pháp chuyển tâm căn bản** là kinh nghiệm quán chiếu về (1) thân người hiếm quý, (2) vô thường, (3) nghiệp quả và (4) khổ não

OM / SHUNYATA/ JANA/ BAZRA/ SVABHAVA/ ATMA/ KOHAM/ (tụng minh chú 1 lần)

Âm Việt: Ôm / Shun Da Ta / Gia Na / Ba-Giơ Ra / Xoa Ba Ha / Át Ma / Kô Ham /

Quán tưởng:

Vạn pháp, kể cả tâm bám chấp, hoà tan vào tánh Không rỗng lặng. Từ tánh Không rỗng lặng đó hoá hiện ra muôn vàn sự che chở bao dung. Ở giữa, là một toà sen⁹. Trên toà sen là chủng tự **TAM** () màu xanh lục, chính là chân tánh của tâm thức con.

[Từ chủng tự **TAM**], ánh sáng phóng toả rạng ngời, tịnh hoá hết mọi chướng duyên của chúng sinh. Ánh sáng đó phóng tỏa ra cúng dường muôn chư Phật và trở lại về [nơi chủng tự **TAM**]. Con trở thành đức Quan-Âm *Tara* với một khuôn mặt và hai cánh tay trong tư thế bắt ấn ‘ban truyền’ (giving mudra), [tay trái] cầm một đoá sen, hai chân xếp lại trong tư thế bán-già, toàn thân mang màu xanh lục pha sắc xanh biển, oai nghi và trẻ trung tươi thắm, khoác y bằng lụa, mang nhiều bảo vật trang sức, và phóng toả ánh sáng rạng ngời rồi biến thành Báo-thân Phật (Sanskrit: Sambhogakaya). Từ ba chủng tự [**OM** màu trắng, **AH** màu đỏ, **HUNG** màu xanh biển] ở ba [luân xa nơi trán, cổ họng và tâm điểm¹⁰], ánh sáng rực rỡ phóng tỏa khắp mười phương, nhiếp thụ tất cả trí tuệ, từ bi và pháp sự của muôn chư Phật, rồi [ánh sáng ấy] trở về hoà tan vào chính con. Con trở thành hiện thân của chư Như Lai đã tựu thành trong ba đời.

Minh chú cúng dường (tụng 1 lần từ đầu đến cuối)::

OM ARYATARE SA-PARI WARA **ARGAM** PRATITSA SVAHA (nước rửa mặt)

OM ARYATARE SA-PARI WARA **PADYAM** PRATITSA SVAHA (nước rửa chân)

OM ARYATARE SA-PARI WARA **PUSHAM** PRATITSA SVAHA (hoa thơm)

OM ARYATARE SA-PARI WARA **DHUPAM** PRATITSA SVAHA (trầm hương)

OM ARYATARE SA-PARI WARA **ALOKAM** PRATITSA SVAHA (đèn nến)

OM ARYATARE SA-PARI WARA **GHANDHE** PRATITSA SVAHA (nước thơm)

⁸ Hai **Bồ-Đề-tâm** ở đây ý nói (1) tâm Bồ-Đề lúc còn sơ, trong vòng đối đãi nhị nguyên (relative Bodhicitta), và (2) tâm Bồ-Đề viên mãn tối thắng khi đã đạt được giác ngộ, chứng thực tánh Không của vạn pháp qua sự quán chiếu bản tâm của mình cốt đem lại lợi lạc cho tất cả chúng sinh (absolute Bodhicitta).

⁹ **Bản Anh-ngữ** dịch là một đoá sen (lotus) và một toà trăng (moon disk), nhưng tựu chung đây chính là một toà sen.

¹⁰ **Tâm điểm** ở đây nằm ngay giữa luân xa tim.

OM ARYATARE SA-PARI WARA **NAIWITE** PRATITSA SVAHA (thực phẩm)

OM ARYATARE SA-PARI WARA **SHAPTA** PRATITSA SVAHA (nhã nhạc)

Âm Việt:

ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	<u>A-GAM</u>	PRA-TI-SA	XOA-HA	(nước rửa mặt)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	<u>PA-ĐI-DAM</u>	PRA-TI-SA	XOA-HA	(nước rửa chân)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	<u>PU-SỞ-HAM</u>	PRA-TI-SA	XOA-HA	(hoa thơm)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	<u>ĐU-PAM</u>	PRA-TI-SA	XOA-HA	(trầm hương)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	<u>A-LÔ-KAM</u>	PRA-TI-SA	XOA-HA	(đèn nến)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	<u>GANG-ĐẾ</u>	PRA-TI-SA	XOA-HA	(nước thơm)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	<u>NÊ-WÍT-TÊ</u>	PRA-TI-SA	XOA-HA	(thực phẩm)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	<u>SÁP-TA</u>	PRA-TI-SA	XOA-HA	(nhã nhạc)

Tán dương:

Chư vị trong các cõi Trời và A-tu-la

Cúi đầu đảnh lễ dưới chân Quan-Âm,

Ngài đã thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác thoát khỏi mọi chướng ngại,

Con xin đảnh lễ và tán dương Mẹ hiền Quan-Âm.

Tri tụng minh chú:

Ở giữa tâm điểm¹¹ của con là một tòa sen. Trên tòa sen là chủng tự **TAM** có chuỗi minh chú (*Om Tare Tuttare Ture Svaha*) xoay quanh [theo chiều kim đồng hồ], phóng toả ánh sáng rạng ngời đến muôn chư Phật, nhiếp thụ tất cả ân điển của Phật rồi ánh sáng ấy thu trở về hoà tan trong con, khai mở tánh hợp nhất của Sắc - Không (appearance and emptiness), bởi đó là chân tánh của vô lượng phẩm hạnh của muôn chư Phật. Một lần nữa, từ chuỗi minh chú (*Om Tare Tuttare Ture Svaha*), vô vàn tia sáng chiếu toả rạng ngời, chuyển hoá hết tất cả mọi hiện tượng trong trời đất thành cảnh giới Tịnh-Độ, tất cả mọi chúng sinh đều biến thành Quan-Âm, người người đều tri tụng minh chú Quan-Âm.

OM/ TARE/ TUTTARE/ TURE/ SVAHA/ (tri tụng minh chú càng nhiều lần càng tốt)

Âm Việt: Ôm/ Ta Rê / Tu Ta Rê / Tu Rê / Xoa Ha/

¹¹ Xem chú thích trên.

Minh chú cúng dường (lần 2):

OM ARYATARE SA-PARI WARA **ARGAM** PRATITSA SVAHA (nước rửa mặt)
OM ARYATARE SA-PARI WARA **PADYAM** PRATITSA SVAHA (nước rửa chân)
OM ARYATARE SA-PARI WARA **PUSHAM** PRATITSA SVAHA (hoa thơm)
OM ARYATARE SA-PARI WARA **DHUPAM** PRATITSA SVAHA (nhang thơm)
OM ARYATARE SA-PARI WARA **ALOKAM** PRATITSA SVAHA (đèn bơ)
OM ARYATARE SA-PARI WARA **GHANDHE** PRATITSA SVAHA (nước thơm)
OM ARYATARE SA-PARI WARA **NAIWITE** PRATITSA SVAHA (thực phẩm)
OM ARYATARE SA-PARI WARA **SHAPTA** PRATITSA SVAHA (nhã nhạc)

Âm Việt:

ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	A-GAM	PRA-TI-SA	XOA-HA	(nước rửa mặt)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	PA-ĐI-DAM	PRA-TI-SA	XOA-HA	(nước rửa chân)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	PU-SỞ-HAM	PRA-TI-SA	XOA-HA	(hoa thơm)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	ĐU-PAM	PRA-TI-SA	XOA-HA	(trầm hương)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	A-LÔ-KAM	PRA-TI-SA	XOA-HA	(đèn nến)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	GANG-ĐỀ	PRA-TI-SA	XOA-HA	(nước thơm)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	NÊ-WÍT-TÊ	PRA-TI-SA	XOA-HA	(thực phẩm)
ÔM	A-RI-A-TA-RÊ	XA-PA-RI	OA-RA	SÁP-TA	PRA-TI-SA	XOA-HA	(nhã nhạc)

Tán dương (lần 2):

Chư vị trong các cõi Trời và A-tu-la
Cúi đầu đảnh lễ dưới chân Quan-Âm,
Ngài đã thành tựu Chánh Đẳng Chánh Giác thoát khỏi mọi chướng ngại,
Con xin đảnh lễ và tán dương Mẹ hiền Quan-Âm.

Hoà Nhập:

Vạn pháp, tất cả mọi hiện tượng bên ngoài và bên trong con, biến thành ánh sáng và tan hoà vào trong con. Con cũng tan vào Pháp-Giới chân như (Sanskrit: Dharmadhatu), rỗng lặng, thuần khiết, vào ánh tịnh quang (Sanskrit: Dharmata) của

Pháp-giới -- niềm hỷ lạc viên mãn. Tất cả an trụ trong Đại-Thủ-Ấn (Sanskrit: Mahamudra)-- không là gì khác ngoài bản tâm chân tịnh .

Hãy an trú trong trạng thái chân tịnh của tâm .¹²

Hồi hướng:

Nương vào công đức này, cũng như công đức đã tạo trong cõi luân hồi và Niết Bàn, và nương nơi bản tâm tự khởi, xin cho tất cả chúng sinh đã từng như những bà mẹ của con ¹³, vô vản như không gian vô biên, thành tựu tướng hảo của Quan-Âm tôn quý, loại dứt được tâm phân biệt, thoát khỏi ngũ độc ¹⁴, an trụ trong đại trí huệ viên mãn.



3. Khẩn nguyện Mẹ hiền Quan-Âm, bảy chư vị Hộ-thần

Một lần nọ, khi đã thành tựu quả vị Phật, Pháp-Vương Jigten Sumgon thấy bảy vị Quan-Âm thị hiện trong khi ngài đang lưu lại ở một hang động tên Echung. Khi ấy, ngài liền soạn bài khẩn nguyện dưới đây. Bài nguyện này chan chứa vô vản vô lượng ân điển.

Trong Pháp-Giới vô sanh,
Có đức mẹ Quan-Âm tôn quý ngự trị
Ngài ban hạnh phúc an lạc cho tất cả chúng sinh
Con xin ngài che chở hộ trì con thoát khỏi mọi sợ hãi.

¹² Hành giả ngồi thiền, giữ tâm trong sáng, thời gian thiền định dài ngắn tùy hành giả quyết định.

⁷ Ý nói tất cả chúng sinh từ vô thủy vô chung đã từng là những bà mẹ của ta trong nhiều đời kiếp, giúp ta phát khởi tâm Bồ-Đề trọn vẹn.

⁸ Ngũ độc chính là tâm tham, sân, si, kiêu mạn và ganh tị.

Vì không hiểu rõ chính sắc thân này là Pháp-thân,
Tâm ta bị bao phủ bởi bao phiền não
Chúng sinh muôn loài -- những bà mẹ của ta¹⁵, đang lang thang khắp nẻo luân hồi
Xin đức mẹ Quan-Âm Tôn-Quý hãy che chở họ.

Khi ý nghĩa của Đạo Pháp chưa nở hoa trọn vẹn trong tim ta,
Ta bị lôi cuốn theo ý nghĩa, lời lẽ tầm thường của thế gian
Có kẻ bị lừa dối tin theo giáo điều
Xin đức Quan-Âm Toàn-Bích hãy che chở họ.

Chúng ngộ được bản tâm thật là điều rất khó
Có kẻ tuy chúng ngộ được nhưng lại không biết thực hành
Để cho tâm họ lao xao chạy theo những vọng động thế gian
Xin đức Quan-Âm Hối-Nhớ hãy che chở họ.

Trí tuệ vô phân biệt chính là bản tâm tự khởi
Nhiều kẻ vì thói quen bám chấp đối đãi
Bị trôi buộc, không thể nào khác
Xin đức Quan-Âm Bình-Đẳng-Trí hãy che chở họ.

Cho dù có kẻ an trú trong tịch tịch Không (Sanskrit: Shunyata)
Nhưng họ không thấu triệt được pháp duyên sinh của định luật nhân quả
Họ bị mê mờ không hiểu được đâu là điểm tựa cho tri giác
Xin đức Quan-Âm Toàn-Giác hãy che chở họ.

Tự tánh của không gian là vô biên
Tự chung tất cả chẳng có gì khác hơn điều này

¹⁵ Ý nói tất cả chúng sinh từ vô thị vô chung đã từng là những bà mẹ của ta trong nhiều đời kiếp, giúp ta phát khởi tâm Bồ-Đề trọn vẹn.

Cho dù như thế, biết bao hành giả và Phật-tử không thấu hiểu như vậy
Xin đức Phật-mẫu Toàn-Bích hãy che chở họ.



4. Hồi hướng nguyện

(trích Kinh Nhật Tụng Tông Phái Drikung Kagyu do Chơn-Pháp Nguyễn Hữu Hiệu chuyển từ Anh ngữ sang Việt ngữ)

Hồi hướng nguyện:

Dorje Chang, Tilopa, Naropa,
Marpa, Milarepa, Pháp-vương Gampopa,
Phagmodrupa và Pháp-vương Drikungpa,
Xin ban cho chúng con ơn phúc tốt lành tốt lành của chư Lạt-ma dòng Kagyu.

Do hạnh đó, xin cho con thành tựu toàn tri
Nhờ chiến thắng được mọi kẻ thù -- sự điên đảo hoài nghi.
Xin cho tất cả những ai đang trầm luân trên sóng sinh, lão, bệnh, tử
Vượt qua được biển cả luân hồi khổ ải.

Bồ-đề tâm vương -- tâm tối thượng, tâm vô cùng trân quý,
Nơi tâm ấy chưa sinh, xin cho tâm ấy nảy sinh,
Nơi tâm đã sinh, cho cho tâm ấy đừng bao giờ thoái chuyển,
Mà vĩnh viễn mỗi ngày một vươn lên, vươn lên cao hơn.

Con nguyện cầu cho chư Lạt-ma được khang ninh,
Con nguyện cầu cho chư Lạt-ma được thọ trường,

Con nguyện cầu cho Pháp-sự của Thầy trải rộng, lan xa,
Con nguyện cầu cho con chẳng phải xa cách Người.

Như đức Văn-Thù, đấng chiến thắng, đã tỳ thành tối thượng,
Và như đức Phổ-Hiền [cũng đã tỳ thành như thế],
Con xin theo chân của các ngài,
Và xin hồi hướng hết thầy công đức cho muôn chúng sinh.

Nhờ ân điển của đức Phật, đấng đã tỳ thành tam thân,
Nhờ ân điển của chân đế diệu Pháp bất biến như thị,
Nhờ ân điển của Tăng-bảo bất khả phân ly,
Xin cho công đức mà con được dự phần đơm hoa kết trái.

Kinh thường tụng tên 'Dakorma':

Nhờ bởi công đức mà chính con và tất cả chúng sinh
Đã tích lũy trong ba đời trong cõi luân hồi và cả ở Niết Bàn,
Và cũng nhờ bởi thiện căn vốn bẩm sinh,
Xin cho con và tất cả chúng sinh đốn ngộ Bồ-Đề tối thượng, viên mãn, toàn bích và trân quý.

Nguyện cầu cho giáo huấn của đức Drikungpa, Ratnashri,
Đấng toàn giác, bậc thầy của pháp duyên sinh,
Tiếp tục tăng trưởng qua công lao nghiên cứu, thực hành, chiêm niệm và thiền định
Cho đến khi cõi luân hồi cáo chung.



5. Kinh hồi hướng của đức Jigten Sumgon

(Rick Finney cùng đại-sư Khenpo Konchog Gyaltshen chuyển từ Tạng-ngữ sang Anh-ngữ)

(trích Kinh Nhật Tụng Tông Phái Drikung Kagyu do Chơn-Pháp Nguyễn Hữu Hiệu chuyển từ Anh ngữ sang Việt ngữ)

Kính bạch bốn sư và chư Lạt-ma quang vinh, thiêng liêng, khả kính và tôn quý thuộc bốn tông,
Kính bạch thánh hội chư Hộ-thân, thánh hội chư Phật, chư Bồ-tát, du-già sư, nữ du-già sư, nữ không-hành ở thập
phương thế giới,
Xin hãy lắng nghe lời nguyện của con!

Nhờ uy lực của thiện căn rộng lớn,
Xin cho con làm lợi lạc chúng sinh bằng thân, khẩu, ý.
Xin cho những phiền não do tham, sân, si, kiêu mạn và ganh tị đừng khởi lên trong tâm con.
Xin cho những ý tưởng về danh vọng, địa vị, của cải, nhục vinh, và những ưu tư về đời sống này đừng khởi lên dù
chỉ trong giây lát.
Xin cho suối tâm con chan chứa yêu thương, từ bi và tâm Bồ-đề,
Và, nhờ đó, xin cho con trở thành một đạo sư
Với đức độ ngang bằng không gian vô biên.
Xin cho con đạt được Đại-Thủ-Ấn tối thượng ngay trong đời này.
Xin cho những khổ đau dần vặt đừng khởi lên ngay cả trong giây phút con lâm chung.
Xin cho con không phải kinh qua một cái chết phi thời.
Xin cho con được chết một cái chết hân hoan, hỷ lạc trong linh quang bùng sáng của Chân-tâm
Và trong Pháp-tính rạng ngời cùng khắp.
Xin cho con, dù có thể nào, cũng thành tựu Đại-Thủ-Ấn tối thượng vào giây phút lâm chung hay trong thân Trung-
Ấm.



Phụ Lục: Hai Mười Một Đoàn Kệ Tán Thán Đức Quan-Âm¹⁶

(Tâm-Bảo-Đàn chuyển Việt-ngữ từ bản Anh-ngữ của Lama Thubten Yeshe - FPMT)

Om. Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm tôn kính.

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, đáng đại hùng đại lực tức thời cứu khổ cứu nạn chúng sinh; đôi mắt ngài tựa làn chớp sáng, khuôn mặt tịnh thủy dẫn sanh từ [giọt nước mắt nhu] búp sen hé nở của đức Quán-Thế-Âm, ngài là hộ thân của cả ba cõi.

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, khuôn mặt ngài tựa cả trăm vầng trăng rằm tụ lại giữa đêm thu, tỏa rạng ánh sáng rực rỡ huy hoàng từ muôn vòm tinh tú.

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, sắc thân tựa đóa sen vàng biếc, đôi tay đẹp đẽ của ngài điểm những bông sen; ngài là hiện thân của tâm bố thí, tâm hoan hỷ, tu hành khổ hạnh, xoa dịu độ trì, kiên nhẫn, tâm định và của tất cả những đề mục hành trì.

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, tháp cao tuyệt đỉnh của chư Như Lai, những thiện hành của ngài đã hàng phục vô lượng xấu ác; ngài đã chứng đắc viên mãn, vô thượng chánh đẳng chánh giác, và là nơi nương tựa của những người con của chư Phật tối thắng.

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, với hai âm tự **TUTTARA** và **HUM**, ngài đã rót đầy các cõi dục giới, muôn phương trời và toàn thể không gian; chân ngài dẫm khắp bảy cõi và ngài có quyền năng thu nhiếp tất cả chúng sinh.

¹⁶ Bản Anh-ngữ của 'Hai Mười Một Đoàn Kệ Tán Thán Đức Quan-Âm' là do Lạt-ma Thubten Yeshe chuyển ngữ và được trích lại dưới sự đồng ý của trung tâm FPMT. Tài liệu này có thể tìm thấy trong tuyển tập 'Praises to the Twenty-One Taras' do Ủy Ban Giáo Dục của FPMT ấn hành. <http://www.fpmt.org/>

Cung kính đánh lễ đức Quan-Âm, ngài được các vị Trời Đế Thích, A-kì-ni (Agni), chư Phạm Thiên, Vayu và chư vị cõi Tự-tại Thiên (Ishvara) tôn sùng, được tất cả chúng vong linh, quỷ ma, càn-thát-bà và dạ-xoa tán thán.

Cung kính đánh lễ đức Quan-Âm, với **TRAT** và **PHAT**, đã hủy diệt được trọn vẹn bánh xe quyền thuật của kẻ khác; chân phải của ngài cong lên, chân trái vươn ra và ấn xuống, ngài bốc sáng phùng phùng giữa vòm lửa trí tuệ.

Cung kính đánh lễ đức Quan-Âm, đáng đại hùng đại lực, âm tự **TURRE** (Tu-rê) của ngài đã hủy diệt được trọn vẹn quỷ thần hung bạo; với nét hung nộ trên khuôn mặt tịnh thủy, ngài trừ khử được tất cả kẻ thù¹⁷ không sót một ai.

Cung kính đánh lễ đức Quan-Âm, những ngón tay ngài điểm tô trái tim bằng ấn quyết của Tam Bảo tối thắng; luân xa ngài bung toả khắp mười phương, nhất nhất do ánh hào quang của ngài chiếu rọi.

Cung kính đánh lễ đức Quan-Âm, mũ miện chiếu tỏa hào quang tươi vui tuyệt mỹ; với tiếng cười ròn rã **TUTTARA**, ngài nhiếp phục quỷ thần và tất cả tam thiên đại thiên thế giới.

Cung kính đánh lễ đức Quan-Âm, ngài đã chiêu gọi được toàn thể chúng long vương thổ thần; khi nét hung nộ và âm tự **HUM** gầm gừ rung chuyển, ngài giải thoát được biết bao chúng sinh cùng khổ.

Cung kính đánh lễ đức Quan-Âm, đỉnh đầu ngài điểm vàng trắng khuyết, trên châu bảo ngọc toả sáng vô lường; từ đỉnh đầu của ngài, đức Phật A-Di-Đà phóng tỏa những luồng ánh sáng chan hoà, bất diệt.

¹⁷ **Kẻ thù** đây là ngũ độc, nội ma, ma chướng, ma cảnh, ma lực v.v..

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, chân đạp đất, ngài ngự trị giữa vòm lửa rực cháy không khác chi vòm lửa chấm dứt đại kiếp này; ngài tọa thiên, chân phải vươn ra trước, chân trái co vào, chung quanh là hỷ lạc, ngài hoàn toàn tiêu trừ được đạo quân thù¹⁸ xấu ác.

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, tay chống đất, chân dậm đất, với ánh mắt hung nộ và âm tự **HUM**, ngài nhiếp phục hết thảy bảy tầng (seven levels).

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, ngài là đấng an lạc, toàn thiện và thanh bình, là đề mục hành trì, vượt thoát khổ não; ngài được phú cho hai âm tự **SVAHA** và **OM** tuyệt hảo, hoàn toàn hàng phục tất cả ma lực xấu ác.

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, chư Thánh Tăng hoan hỷ đang vây quanh ngài, ngài nhiếp phục toàn thân kẻ thù; mười âm tự điểm tô lời ngài thuyết, và nương vào chủng tự **HUM** ngợi tri thức, ngài cứu khổ tất cả chúng sinh.

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, chân dậm đất, miệng niệm **TURE** (Tu-rê), cả ba ngọn núi Tu-Di, Mandhara, Vindhya, và tất cả tam thiên đại thiên thế giới cũng phải run rẩy chấn động trước chủng tự của ngài qua hình ảnh **HUM**.

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, tay nâng niu vàng trắng in dấu thỏ ngọc chẳng khác nào một đại dương thiên thể; miệng hai lần niệm **TARA** và âm tự **P'HAT** (Pét), ngài tiêu trừ tất cả mọi ô nhiễm độc hại không gì sót lại.

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, hết thảy chư Thiên, vua của các cõi Trời cùng các nghi thần khản-na-la (kinnaras) đều nương tựa nơi ngài; y giáp ngài đẹp tuyệt vời, đem an lạc đến cho tất cả; ngài tiêu trừ tất cả mọi tranh chấp và ác mộng.

¹⁸ Xem chú thích #16.

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, đôi mắt ngài như đôi vàng nhật nguyệt, toả ánh sáng tuyệt trần; miệng hai lần niệm **HARA** và **TUTTARA**, ngài tiêu trừ tất cả mọi dịch bệnh nghiệt ngã.

Cung kính đảnh lễ đức Quan-Âm, điểm ba chân tánh (three suchnesses), ngài được phú cho năng lực an tĩnh; ngài nhiếp phục chúng vong linh ác hại, quỷ ma và dạ xoa, ôi **TURRE**, tối thắng và vi diệu.

Theo lời khẩn cầu liên tiếp của nhiều hành giả, quyển cấm nang hướng dẫn pháp môn thiền quán và trì tụng Quan-Âm này đã được đại sư Khenpo Konchog Gyaltshen Rinpoche biên soạn vào năm 2120 theo Đại-Vương Tạng-lịch, Rabjung 17, là năm Hải Điểu, vào ngày 28 tháng Giêng (tức ngày 20 tháng ba Dương-lịch). Một số bài hồi hướng nguyện cũng được thêm vào cho phần thực hành thêm phong phú. Nguyện đem công đức này hồi hướng cho tất cả mọi chúng sinh, sơ căn thì thoát khỏi mọi tai hoạ nhiễu nhương và sau hết thầy, xin cho tất cả thành tựu đạo quả vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Sarva Mangalam.

Tâm-Bảo-Đàn chuyển từ Anh-ngữ sang Việt-ngữ để cúng dường bổn-sư Garchen Triptul Rinpoche tôn quý, Hoá Thân đời thứ tám, hiện thân của lòng từ bi vô lượng của Quan-Âm. Nguyện cho tất cả chúng sinh đều đón nhận được tình thương bao la tựa không gian vô biên đó. Hoàn tất ngày 21 tháng 2, 2004 Dương- lịch, nhân dịp Nguyên-Đán năm Mộc-Thân Tạng-lịch, tại Maryland, Hoa Kỳ. Bản tiếng Việt do trung tâm Drikung Mahayana Center ấn tống lần đầu vào năm 2004.

Việt_Vajra Foundation trình bày và ấn tống bản hiệu đính tháng 2/2006. Xin liên lạc vietvajra@yahoo.com để nhận bản gốc điện tử.

